



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm nghiệm**
Laboratory: **Analysis Center**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I**
Organization: **I.D.I International Development and Investment Corporation**

Số hiệu/ Code: **VILAS 443**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Sinh, Hóa**
Field: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Thị Lam Kiều**
Laboratory manager: **Nguyen Thi Lam Kieu**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /08/2025 đến ngày 27/10/2030**

Địa chỉ/ Address: **Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp**
80 highway, Vam Cong industrial zone, Lap Vo commune, Dong Thap province

Địa điểm/Location: **Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp**
80 highway, Vam Cong industrial zone, Lap Vo commune, Dong Thap province

Điện thoại/ Tel: **(84-4) 0277.3680.383**

E-mail: **idiseafood@vnn.vn**

Website **idiseafood.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 443

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cá tra phi lê <i>Pangasius fillets</i>	Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C Phương pháp đếm đĩa <i>Enumeration of total aerobic microorganisms at 30°C Plate count method</i>		ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022
2.		Phát hiện <i>Salmonella</i> spp <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/25g	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020
3.		Định lượng Coliforms <i>Enumeration of Coliforms</i>		ISO 4832:2006
4.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính beta-glucuronidase <i>Enumeration of beta-glucuronidase- positive Escherichia coli</i>		ISO 16649- 2:2001
5.		Định lượng Staphylococci dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of coagulase-positive staphylococci (Staphylococcus aureus and other species) Technique using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021/ Amd1:2023

Chú thích/ Note:

- ISO: *International Organization for Standardization*
- Amd: bản bổ sung/*Amendment*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 443

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of Testing: *Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Cá tra nguyên liệu <i>Material Pangasius</i>	Xác định hàm lượng Trifluralin Phương pháp ELISA <i>Determination of Trifluralin content ELISA method</i>	0.60 µg/kg	MSTL 03.2/10:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2150)
2.		Xác định hàm lượng Chloramphenicol Phương pháp ELISA <i>Determination of Chloramphenicol content ELISA method</i>	0.10 µg/kg	MSTL 03.2/03:2022 (ELISA-TABP PN 101011G)
3.		Xác định hàm lượng AOZ Phương pháp ELISA <i>Determination of AOZ content ELISA method</i>	0.10 µg/kg	MSTL 03.2/02:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2118)
4.		Xác định hàm lượng tổng Enrofloxacin & Ciprofloxacin Phương pháp ELISA <i>Determination of total Enrofloxacin & Ciprofloxacin content ELISA method</i>	1.00 µg/kg	MSTL 03.2/08:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2111)
5.		Xác định hàm lượng AMOZ Phương pháp ELISA <i>Determination of AMOZ content ELISA method</i>	0.10 µg/kg	MSTL 03.2/04:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2121)
6.		Xác định hàm lượng AHD Phương pháp ELISA <i>Determination of AHD content ELISA method</i>	0.30 µg/kg	MSTL 03.2/07:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2120)
7.		Xác định hàm lượng SEM Phương pháp ELISA <i>Determination of SEM content ELISA method</i>	0.50 µg/kg	MSTL 03.2/05:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2123)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 443**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Cá tra nguyên liệu <i>Material Pangasius</i>	Xác định hàm lượng Flumequine Phương pháp ELISA <i>Determination of Flumequine content ELISA method</i>	1.00 µg/kg	MSTL 03.2/09:2025 (ELISA-Europoxima Cat 5101 FLUM)
9.		Xác định hàm lượng tổng Malachite Green & Leucomalachite Green Phương pháp ELISA <i>Determination of total Malachite Green & Leucomalachite Green content ELISA method</i>	0.5 µg/kg	MSTL 03.2/06:2025 (ELISA-BioStone Cat No 2113)

Ghi chú/Note:

- ELISA: *Enzyme-linked immunosorbent assay*
- MSTL: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the I.D.I International Development and Investment Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*